TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thanh Thúy.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Giảng Thị G, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp NVH, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp NVH, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Giảng Thị G trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Văn C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận vào ngày 23/02/2009. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Quá trình chung sống ông, bà có một đứa con chung tên là Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh ngày 26/3/2008, con hiện đang sống với bà.

Về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: không có.

Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C. Về nuôi con, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C phải phấp dưỡng nuôi con. Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn C với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông C đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại các bản tự khai ngày 17/12/2021 cháu Nguyễn Thị Diễm Ph có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Giảng Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Ông C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Bà G có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa những vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của các ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà G, ông C kết hôn vào năm 2007 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà G có văn bản xác định bà và ông C đã sống ly thân từ khoảng

tháng 12/2020 cho đến nay. Ông C không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, vợ chồng ông, bà sống ly thân đã hơn một năm, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà G yêu cầu được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con:

Ông, bà có một đứa con chung tên là Nguyễn Thị Diễm Ph sinh ngày 26/3/2008, cháu Ph hiện đang sống chung với bà G. Tại các bản tự khai ngày 17/12/2021 cháu Ph có nguyện vọng sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bà G hiện nay cháu Ph đang phát triển ổn định. Do đó, yêu cầu tiếp tục được nuôi con của bà G phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định của pháp luật đã được viện dẫn như trên nên được Tòa án chấp nhận.

Giao cháu Ph cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về nợ: không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Giảng Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm Ph sinh ngày 26/3/2008 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001342 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú